

Số: 259/2024/QĐST-HNGĐ

Quận 7, ngày 03 tháng 5 năm 2024

**QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN THUẬN TÌNH LY HÔN
VÀ SỰ THỎA THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ**

Căn cứ vào các Điều 212, 213, 361, 370, 371 và Khoản 4 Điều 397 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015;

Căn cứ vào các Điều 55, 57, 58, 81, 82, 83 và 84 Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014;

Căn cứ Luật Thi hành án dân sự năm 2008 sửa đổi, bổ sung năm 2014;

Căn cứ Luật Phí và Lệ phí năm 2015; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Sau khi nghiên cứu hồ sơ việc dân sự thụ lý số **752/2023/TLST-HNGĐ** ngày **11** tháng **12** năm **2023** về việc “Yêu cầu công nhận thuận tình ly hôn”, gồm những người tham gia tố tụng sau:

Người yêu cầu giải quyết việc dân sự:

1. Ông **Trần Minh H**, sinh năm 1982; địa chỉ: **Thôn Đ, xã Đ, huyện Đ, tỉnh Lâm Đồng**.

2. Bà **Hồ Thị Ngọc G**, sinh năm 1987; địa chỉ: **Số A đường B, Khu phố B, phường T, Quận G, Thành phố Hồ Chí Minh**.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Xét thấy: Các đương sự thuận tình ly hôn và tự nguyện thoả thuận với nhau tại Biên bản ghi nhận sự ly hôn và hoà giải thành ngày **25** tháng **4** năm **2024** như sau:

[1] Về quan hệ hôn nhân: Ông **Trần Minh H** và bà **Hồ Thị Ngọc G** tự nguyện tiến tới hôn nhân vào năm 2007, có đăng ký kết hôn tại **Ủy ban Nhân dân phường T, Quận G, Thành phố Hồ Chí Minh**. Vợ chồng sống hạnh phúc được khoảng 10 (mười) năm, mâu thuẫn phát sinh do bất đồng quan điểm sống, không tìm được tiếng nói chung, thường xuyên xảy ra tranh cãi. Hai bên đã cố gắng khắc phục nhưng không có kết quả, sống ly thân từ tháng 01/2018, nay cả hai cùng thống nhất yêu cầu Tòa án công nhận thuận tình ly hôn.

Xét ông **Trần Minh H** và bà **Hồ Thị Ngọc G** thống nhất thuận tình ly hôn là hoàn toàn tự nguyện, không vi phạm điều cấm của pháp luật, không trái đạo đức xã hội, nên chấp nhận.

[2] Về con chung: Ông **Trần Minh H** và bà **Hồ Thị Ngọc Giàu c 02** (hai) con chung là: **Trần Minh Q**, sinh ngày 13/01/2007; (Giới tính: Nam) và **Trần Minh S**, sinh ngày 20/02/2009; (Giới tính: Nam).

Ông **Trần Minh H** và bà **Hồ Thị Ngọc G** đã thống nhất sau khi ly hôn, bà **G** sẽ trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng hai con chung, ông **H** cấp dưỡng nuôi hai con chung mỗi tháng 1.000.000 (Một triệu) đồng (500.000 đồng/01 trẻ/tháng). Cấp dưỡng vào ngày 10 hàng tháng, bắt đầu cấp dưỡng từ tháng 5/2024 cho đến khi phát sinh các căn cứ làm chấm dứt nghĩa vụ cấp dưỡng được quy định tại Điều 118 Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014.

Trong trường hợp ông **Trần Minh H** chậm thi hành khoản tiền cấp dưỡng thì ông **H** phải trả lãi đối với số tiền chậm cấp dưỡng theo quy định tại Khoản 2 Điều 357 Bộ luật Dân sự, tương ứng với thời gian chậm thi hành tại thời điểm thanh toán.

Ông **Trần Minh H** có quyền và nghĩa vụ đi lại trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng và giáo dục con chung. Vì quyền lợi của con, theo yêu cầu của một hoặc cả hai bên, Tòa án có thể quyết định thay đổi người trực tiếp nuôi con và mức cấp dưỡng nuôi con.

[3] Về tài sản chung: Ông **Trần Minh H** và bà **Hồ Thị Ngọc G** cùng xác định vợ chồng không có tài sản chung.

[4] Về nợ chung: Ông **Trần Minh H** và bà **Hồ Thị Ngọc G** cùng xác định vợ chồng không có nợ chung.

[5] Về lệ phí việc dân sự: Các đương sự phải chịu lệ phí việc dân sự theo quy định pháp luật.

Đã hết thời hạn 07 ngày, kể từ ngày lập biên bản hòa giải đoàn tụ không thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thoả thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH:

1. Công nhận sự thuận tình ly hôn giữa các đương sự cụ thể như sau:

Về quan hệ hôn nhân: Ông **Trần Minh H** và bà **Hồ Thị Ngọc G** thuận tình ly hôn (Giấy chứng nhận kết hôn số 063/2007 đăng ký ngày 24/5/2007 tại Ủy ban Nhân dân phường T, Quận G, Thành phố Hồ Chí Minh không còn giá trị pháp lý).

Về con chung: Ông **Trần Minh H** và bà **Hồ Thị Ngọc Giàu c 02** (hai) con chung là:

Trần Minh Q, sinh ngày 13/01/2007; (Giới tính: Nam).

Trần Minh S, sinh ngày 20/02/2009; (Giới tính: Nam).

Sau khi ly hôn, bà **G** sẽ trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng hai con chung **Trần Minh Q** và **Trần Minh S**, ông **H** cấp dưỡng nuôi con chung cho hai trẻ mỗi tháng 1.000.000 (Một triệu) đồng (500.000 đồng/01 trẻ/tháng). Cấp dưỡng vào ngày 10 hàng tháng, bắt đầu cấp dưỡng từ tháng 5/2024 cho đến khi phát sinh các căn cứ làm chấm dứt nghĩa vụ cấp dưỡng được quy định tại Điều 118 Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014.

Trong trường hợp ông **Trần Minh H** chậm thi hành khoản tiền cấp dưỡng thì ông **H** phải trả lãi đối với số tiền chậm cấp dưỡng theo quy định tại Khoản 2 Điều 357 Bộ luật Dân sự, tương ứng với thời gian chậm thi hành tại thời điểm thanh toán.

Ông **Trần Minh H** có quyền và nghĩa vụ đi lại thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng và giáo dục con chung. Vì quyền lợi của con, theo yêu cầu của một hoặc cả hai bên, Tòa án có thể quyết định thay đổi người trực tiếp nuôi con và mức cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung: Không có.

Về nợ chung: Không có.

2. Về lệ phí việc dân sự: Ông **Trần Minh H** và bà **Hồ Thị Ngọc G** phải nộp lệ phí việc dân sự sơ thẩm về thuận tình ly hôn là 300.000 (Ba trăm nghìn) đồng, được trừ vào số tiền tạm ứng lệ phí việc dân sự sơ thẩm đã nộp là 300.000 (Ba trăm nghìn) đồng theo Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số AA/2023/0037701 ngày 11 tháng 12 năm 2023 của Chi cục Thi hành án dân sự Quận 7, Thành phố Hồ Chí Minh. Ông **Trần Minh H** và bà **Hồ Thị Ngọc G** đã nộp đủ lệ phí.

3. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

Nơi nhận:

- VKSND Quận 7;
- Chi cục THADS Quận 7;
- UBND phường Tân Thuận Đông,
Quận 7, Thành phố Hồ Chí Minh;
- Dương sự;
- Lưu HS, VT (TK Đức).(12)

THẨM PHÁN

(Đã ký)
Lê Thị Phơ